

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 807/QĐ-ĐHM, ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình : **KINH TẾ**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Ngành đào tạo : **Kinh tế** - Mã số: **52310101**
- Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung

Kinh tế học nghiên cứu cách thức cá nhân và xã hội đưa ra các quyết định lựa chọn, sản xuất, phân phối và tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ trong bối cảnh nguồn lực khan hiếm. Liên quan đến cách thức đưa ra quyết định đó, kinh tế học quan tâm đến hành vi và sự tương tác giữa các cá nhân, các doanh nghiệp, các tổ chức khác và các cơ quan chính phủ.

Những nguyên lý của Kinh tế học rất hữu ích trong việc giúp các chủ thể trong nền kinh tế đưa ra các quyết định lựa chọn ở nhiều cấp độ khác nhau. Kinh tế học cung cấp khung kiến thức vững chắc để phân tích và hiểu được những vấn đề kinh tế quan trọng như lạm phát, thất nghiệp, cải cách thuế, những biến động trong tỷ giá hối đoái, năng suất lao động, khủng hoảng kinh tế, chu kỳ kinh doanh, thị trường chứng khoán...

Chương trình Kinh tế học bao gồm rất nhiều môn học của nhiều lĩnh vực như kinh tế quốc tế, kinh tế môi trường, tài chính, kinh tế học của khu vực công, kinh tế lao động, kinh tế phát triển, lịch sử kinh tế, kinh tế học của các tổ chức công nghiệp...

Dựa trên nền tảng kiến thức của Kinh tế học, những người tốt nghiệp ngành Kinh tế sẽ rất quan tâm đến việc ứng dụng nó trong một lĩnh vực cụ thể nào đó. Những người này có thể sử dụng những kiến thức về các mối quan hệ kinh tế để tư vấn cho các doanh nghiệp cũng như các tổ chức khác, bao gồm các công ty bảo hiểm, ngân hàng, các công ty chứng khoán, các công ty tư vấn quản lý, các công ty nghiên cứu, các hiệp hội thương mại và công nghiệp hay các cơ quan của chính phủ... Ngoài việc có thể làm việc tại các doanh nghiệp, những người tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể làm việc cho chính phủ, các công ty nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức giáo dục hay sinh viên cũng có thể tiếp tục học tập ở bậc sau đại học.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình Kinh tế học hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên ba nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

** Kiến thức*

Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng Kinh tế học cũng như những kiến thức cơ bản về nền kinh tế Việt Nam để sinh viên có thể vận dụng lý thuyết kinh tế trong phân tích, giải thích những tình huống cụ thể trong thực tế.

** Kỹ năng*

Phát triển tư duy phê phán, khả năng làm việc độc lập cũng như kỹ năng phân tích của sinh viên để sinh viên có thể phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế về mặt định tính và định lượng. Sinh viên ngành Kinh tế sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ có trình độ tiếng Anh tối thiểu là chuẩn đầu ra tiếng Anh không chuyên của Trường. Đồng thời, chương trình cũng cố gắng trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết để nâng cao năng lực cá nhân của sinh viên.

** Thái độ*

Sinh viên chương trình Kinh tế là những người có đạo đức tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời, sinh viên chương trình này là người có khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt.

** Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp*

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các đơn vị và học tập ở bậc cao hơn, cụ thể như sau:

- Làm việc tại các Doanh nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể làm việc ở nhiều vị trí trong doanh nghiệp mà không hề có những bất lợi so với ngành Quản trị kinh doanh. Trong doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể trở thành nhà phân tích số liệu, chuyên viên nghiên cứu thị trường, giám đốc nghiên cứu, nhà tư vấn doanh nghiệp, nhà tư vấn tài chính, nhà phân tích tài chính, nhà phân tích đầu tư, nhà quản lý dự án đầu tư, nhà thống kê... Những vị trí thuộc về lĩnh vực phân tích, dự báo, kế hoạch và nghiên cứu là những lĩnh vực đặc biệt mà doanh nghiệp thường chỉ tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế.

Việc sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế được trang bị tốt về tư duy logic, tư duy phê phán, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề ... cũng giúp sinh viên có thể nắm bắt nhanh trong những chương trình huấn luyện của doanh nghiệp để từ đó có những bước phát triển vượt bậc trong nghề nghiệp.

- Làm việc tại các cơ quan Chính phủ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế đặc biệt thích hợp với các vị trí công việc trong khu vực công. Rất nhiều vị trí công việc có liên quan đến các lĩnh vực thuộc Kinh tế học như kinh tế học quản lý, kinh tế quốc tế, kinh tế lao động, tài chính, kinh tế nông nghiệp... Thông thường, những người tốt nghiệp ngành Kinh tế sẽ phân tích, đánh giá dựa trên những số liệu thống kê, viết báo cáo nhận định tình hình kinh tế - xã hội nói chung hay những vấn đề kinh tế cụ thể và đưa ra những khuyến nghị cho chính phủ. Các cơ quan chính phủ mà sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể làm là các Ủy Ban Nhân Dân, Sở Tài Chính, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương...

- Làm việc tại các tổ chức quốc tế

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế học với kết quả xuất sắc có thể làm việc tại các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB) hay Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF)... Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế cũng rất thích hợp để làm việc tại một số tổ chức phi chính phủ (NGOs).

- Làm việc tại các tổ chức nghiên cứu

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế học còn có thể tham gia làm việc tại các viện nghiên cứu như Viện Nghiên Cứu Kinh Tế (ERI), Viện Nghiên Cứu Môi Trường và Phát Triển Bền Vững (IESD), Viện Nghiên Cứu Quản Lý Kinh tế Trung Ương (CIEM), Viện Nghiên Cứu Phát Triển (IDS)...

- Làm việc tại các cơ sở giáo dục và đào tạo

Những người tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế với kết quả xuất sắc có thể tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, đại học. Tuy nhiên, nếu muốn theo đuổi con đường giảng dạy và nghiên cứu thì sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên nên tiếp tục học tập ở bậc sau đại học.

- Học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế, sinh viên có thể tiếp tục theo học ở bậc sau đại học để lấy bằng Thạc sỹ hay Tiến sỹ về kinh tế học hoặc những ngành có liên quan đến kinh tế ở các chương trình trong và ngoài nước. Trong nước, sinh viên có thể học các chương trình cao học trong nước tại các trường đại học, học viện có đào tạo sau đại học ngành Kinh tế học, hay học tại các chương trình liên kết với nước ngoài như Chương trình Cao học Việt Nam - Hà Lan đào tạo cao học Kinh tế phát triển, Chương trình thạc sỹ chính sách công của chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbright...

Việc tiếp tục học tập ở bậc học sau đại học cho phép người học có những cơ hội tiếp cận với những vị trí công việc thú vị khi làm việc tại các doanh nghiệp, các cơ quan khu vực công, giảng dạy hay nghiên cứu.

2 Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với 11 học kỳ.

3 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa *tối thiểu* là 123 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (7 tín chỉ).

4 Đối tượng tuyển sinh

Ứng viên có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình được thực hiện theo Quy chế đào tạo 3 học kỳ/năm học đối với hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm quyết định số 738/QĐ-ĐHM ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

5.2.1. Tốt nghiệp với khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp khi hội đủ điều kiện theo Chương IV, Quy chế đào tạo 3 học kỳ/năm học đối với hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm quyết định số 738/QĐ-ĐHM ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, và theo qui định của Khoa, cụ thể:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.
- Có điểm trung bình chung học tập đạt từ 7,0 trở lên.
- Có sự đồng ý của GVHD để làm khóa luận tốt nghiệp.

5.2.2. Tốt nghiệp với các học phần chuyên môn

Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình, theo Chương IV, Quy chế đào tạo 3 học kỳ/năm học đối với hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm quyết định số 738/QĐ-ĐHM ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2.3. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn ở điều 25, chương IV của Quy chế đào tạo 3 học kỳ/năm học đối với hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm quyết định số 738/QĐ-ĐHM ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

6 Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

7 Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		44	
7.1.1	Lý luận chính trị		10	
01	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Principles of Marxist – Leninist) Phần 1	POLI1201	2	
02	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Principles of Marxist – Leninist) Phần 2	POLI2302	3	
03	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	POLI2201	2	
04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam (Innovative ways of Vietnamese Communist Party)	POLI2301	3	
7.1.2	Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật		7	
	Phần bắt buộc		2	
05	Pháp luật đại cương (General Law)	GLAW1201	2	
	Phần tự chọn		5	
06	Môn tự chọn 1 (<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>)		2	
	Tư duy phản biện		2	
	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	
07	Môn tự chọn 2 (<i>Chọn 1 trong 3 môn</i>)		3	
	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	
	Marketing căn bản	BADM2301	3	
	Quản trị học	BADM1301	3	
7.1.3	Ngoại ngữ		14	
8	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4	
9	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4	
10	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3	
11	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3	
7.1.4	Toán - Thống kê - Tin học		13	
12	Toán Kinh tế 1	MATH1303	3	

13	Toán Kinh tế 2	MATH1305	3	
14	Tin học đại cương (Introduction of Computer)	COMP1401	4	
15	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability and Statistics)	MATH1304	3	
7.1.5	Giáo dục thể chất (Physical Education)		5	
16	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	
17	Giáo dục thể chất 2		3	
7.1.6	Giáo dục quốc phòng - an ninh		7	
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		79	
7.2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		11	
18	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)	ECON1301	3	
19	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)	ECON1302	3	
20	Luật kinh tế	GLAW3201	2	
21	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	
7.2.2	Kiến thức cơ sở của ngành		13	
22	Kinh tế lượng (Econometrics)	ECON2304	3	
23	Lịch sử các học thuyết kinh tế (History of Economic Thoughts)	ECON2305	3	
24	Nguyên lý thống kê kinh tế (Principles of Economic Statistics)	ECON3302	3	
25	Tài chính - tiền tệ (Finance - Money)	FINA2401	4	
7.2.3	Kiến thức ngành		22	
26	Kinh tế vi mô 2 (Microeconomics 2)	ECON2301	3	
27	Kinh tế vĩ mô 2 (Macroeconomics 2)	ECON2302	3	
28	Kinh tế phát triển (Development Economics)	ECON3301	3	
29	Kinh tế công (Public Economics)	ECON3303	3	
30	Kinh tế môi trường (Environmental Economics)	ECON3304	3	
31	Kinh tế quốc tế (International Economics)	ECON2303	3	
32	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	EDUC2401	4	

7.2.4	Kiến thức chuyên ngành		23	
7.2.4.1	<i>Chuyên ngành Kinh tế học</i>	31 - 8= 23		
33	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BADM3321	3	Môn TLTN 1
34	Mua bán và sáp nhập công ty		2	Môn TLTN 2
35	Kinh tế đô thị (Urban Economics)	ECON4310	3	
36	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		3	
37	Kinh tế học tổ chức ngành		3	
38	Phân tích kinh tế dự án		3	
39	Chính sách ngoại thương và công nghiệp (Trade and Industrial Policies)		3	
40	Marketing địa phương và phát triển vùng		3	
41	Kinh tế lao động	ECON3305	3	
42	Quản lý dự án		3	Môn TLTN 3
43	Báo cáo chuyên đề		2	
7.2.4.2	<i>Chuyên ngành Kinh tế Đầu tư</i>	31 - 8= 23		
33	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BADM3321	3	Môn TLTN 1
34	Mua bán và sáp nhập công ty		2	Môn TLTN 2
35	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA3319	3	
36	Tài chính quốc tế (International Finance)	FINA3301	3	
37	Phân tích báo cáo tài chính	FINA3312	3	
38	Phân tích chứng khoán vốn (Equity Analysis)	FINA4304	3	
39	Phân tích chứng khoán nợ (Fixed- Income Analysis)	FINA4305	3	
40	Thị trường tài chính phái sinh (Derivatives Market)	FINA3317	3	
41	Quản lý danh mục đầu tư	FINA3316	3	
42	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	Môn TLTN 3
43	Báo cáo chuyên đề		2	

7.2.4.3	Chuyên ngành Kinh tế quốc tế	31 – 8 = 23		
33	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BADM3321	3	Môn TLTN 1
34	Mua bán và sáp nhập công ty		2	Môn TLTN 2
35	Kinh tế quốc tế nâng cao (Advanced International Economics)	ECON4305	3	
36	Luật thương mại quốc tế (Laws of international trade)	BLAW4301	3	
37	Kỹ thuật ngoại thương	BADM3307	3	
38	Đầu tư quốc tế (International investment)	BADM3330	3	
39	Tài chính quốc tế (International Finance)	FINA3301	3	
40	Chính sách ngoại thương và công nghiệp (Trade and Industrial Policies)	ECON4201	3	
41	Kinh doanh quốc tế	BADM3308	3	
42	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	Môn TLTN 3
43	Báo cáo chuyên đề		2	
7.2.5	Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp		10	
44	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	ECON4399	3	
45	Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis), hoặc thay thế bởi những môn tích lũy tốt nghiệp.	ECON4799	7	
	Tổng cộng		123	

8 KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

HỌC KỲ 1				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương (General Law)	GLAW1201	2	CTK
2	Toán Kinh tế 1	MATH1303	3	
3	Tin học đại cương (Introduction of Computer)	COMP1401	4	
4	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1401	4	
5	Giáo dục thể chất 1 (2TC)	PEDU1201	2	
Tổng cộng			15	

HỌC KỲ 2				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Principles of Marxist – Leninist) Phần 1	POLI1201	2	CTK
2	Toán Kinh tế 2	MATH1305	3	
3	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1401	4	
4	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)	ECON1301	3	
5	Giáo dục thể chất 2 (3 TC)		3	
6	Giáo dục quốc phòng (7TC)	DEDU1701		
Tổng cộng			15	
HỌC KỲ 3				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Principles of Marxist – Leninist) Phần 2	POLI2302	3	CTK
2	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)	ECON1302	3	
3	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3	
4	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	
Tổng cộng			12	
HỌC KỲ 4				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	POLI2201	2	CTK
2	Kinh tế vi mô 2 (Microeconomics 2)	ECON2301	3	CTK
3	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability and Statistics)	MATH1304	3	CTK
4	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3	
5	Môn tự chọn 1 <i>chọn 1 trong 2 môn sau:</i>		2	
	5.1	Tư duy phản biện	2	
	5.2	Tâm lý học đại cương	2	
Tổng cộng			13	

HỌC KỲ 5					
STT	Tên môn học		Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		POLI2301	3	CTK
2	Kinh tế vĩ mô 2 (Macroeconomics 2)		ECON2302	3	CTK
3	Kinh tế lượng (Econometrics)		ECON2304	3	CTK
4	Tài chính - tiền tệ (Finance- Money)		FINA2401	4	CTK
5	Môn tự chọn 2 <i>chọn 1 trong 3 môn sau:</i>			3	
	5.1	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	
	5.2	Marketing căn bản	BADM2301	3	
	5.3	Quản trị học	BADM1301	3	
Tổng cộng				16	
HỌC KỲ 6					
STT	Tên môn học		Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế		ECON2305	3	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		EDUC2401	4	
3	Kinh tế quốc tế (International Economics)		ECON2303	3	
4	Nguyên lý thống kê kinh tế (Principles of Economic Statistics)		ECON3302	3	
Tổng cộng				13	
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC					
HỌC KỲ 7					
STT	Tên môn học		Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế phát triển		ECON3301	3	
2	Luật kinh tế		GLAW3201	2	CTK
3	Kinh tế lao động		ECON3305	3	
4	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn			3	
Tổng cộng				11	

HỌC KỲ 8				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế công (Public Economics)	ECON3303	3	CTK
2	Kinh tế môi trường (Environmental Economics)	ECON3304	3	CTK
3	Thiết lập và thẩm định dự án (Môn TLTN 1)	BADM3321	3	
4	Kinh tế học tổ chức ngành		3	
Tổng cộng			12	
HỌC KỲ 9				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Mua bán và sáp nhập công ty (Môn TLTN 2)		2	
2	Kinh tế đô thị	ECON4310	3	
3	Marketing địa phương và phát triển vùng		3	
4	Báo cáo chuyên đề		2	
Tổng cộng			10	
HỌC KỲ 10				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Phân tích kinh tế dự án		3	CTK
2	Chính sách ngoại thương và công nghiệp		3	CTK
3	Quản lý dự án (Môn TLTN 3)		3	
Tổng cộng			9	
HỌC KỲ 11				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	ECON4399	3	
2	Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis) , hoặc thay thế bởi ba môn tích lũy tốt nghiệp.	ECON4799	7	
Tổng cộng			10	

CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ
HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế phát triển	ECON3301	3	
2	Luật kinh tế	GLAW3201	2	CTK
3	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA3319	3	
4	Tài chính quốc tế	FINA3301	3	
Tổng cộng			11	
HỌC KỲ 8				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế công (Public Economics)	ECON3303	3	CTK
2	Kinh tế môi trường (Environmental Economics)	ECON3304	3	CTK
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Môn TLTN 1)	BADM3321	3	
4	Phân tích báo cáo tài chính	FINA3312	3	
Tổng cộng			12	
HỌC KỲ 9				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Mua bán và sáp nhập công ty (Môn TLTN 2)		2	
2	Quản trị chiến lược (Môn TLTN 3)	BADM4301	3	
3	Phân tích chứng khoán nợ	FINA4305	3	
4	Báo cáo chuyên đề		2	
Tổng cộng			10	
HỌC KỲ 10				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Phân tích chứng khoán vốn	FINA4304	3	
2	Thị trường tài chính phái sinh	FINA3317	3	
3	Quản lý danh mục đầu tư	FINA3316	3	
Tổng cộng			9	

HỌC KỲ 11				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	ECON4399	3	
2	Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis) , hoặc thay thế bởi ba môn tích lũy tốt nghiệp.	ECON4799	7	
Tổng cộng			10	
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ				
HỌC KỲ 7				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế phát triển	ECON3301	3	
2	Luật kinh tế	GLAW3201	2	CTK
3	Kinh tế quốc tế nâng cao	ECON4305	3	
4	Luật thương mại quốc tế	BLAW4301	3	
Tổng cộng			11	
HỌC KỲ 8				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế công (Public Economics)	ECON3303	3	CTK
2	Kinh tế môi trường (Environmental Economics)	ECON3304	3	CTK
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Môn TLTN 1)	BADM3321	3	
4	Tài chính quốc tế	FINA3301	3	
Tổng cộng			12	
HỌC KỲ 9				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Mua bán và sáp nhập công ty (Môn TLTN 2)		2	
2	Quản trị chiến lược (Môn TLTN 3)	BADM4301	3	
3	Kỹ thuật ngoại thương	BADM3307	3	
4	Báo cáo chuyên đề		2	
Tổng cộng			10	

HỌC KỲ 10				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh doanh quốc tế	BADM3308	3	CTK
2	Chính sách ngoại thương và công nghiệp		3	CTK
3	Đầu tư quốc tế	BADM3330	3	
Tổng cộng			9	
HỌC KỲ 11				
STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	ECON4399	3	
2	Khóa luận tốt nghiệp (BA thesis) , hoặc thay thế bởi ba môn tích lũy tốt nghiệp.	ECON4799	7	
Tổng cộng			10	

9 MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (5 tín chỉ)

Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

9.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Điều kiện tiên quyết: Không

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

9.3 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Điều kiện tiên quyết: Không

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

9.4 Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý về Nhà nước và Pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Nội dung chính của môn học trình bày những khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, phân tích cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên xác định tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, xác định hệ thống các ngành luật trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học còn trình bày những nội dung cơ bản về Luật hành chính, Luật hình sự và Luật dân sự với tư cách là ba ngành luật chủ yếu của hệ thống pháp luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

9.5 Tư duy phản biện (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Tư duy phản biện là đặc điểm của tư duy bậc cao, nó là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào. Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

9.6 Xã hội học đại cương (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng của xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, hệ thống các khái niệm và nguyên lý cơ bản của xã hội học, cơ cấu của môn xã hội học: lý thuyết và thực hành, xã hội học đại cương và chuyên ngành xã hội học.

9.7 Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này giúp sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản của tâm lý học, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu tâm lý; nắm vững bản chất của hiện tượng tâm lý và lý giải được cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý con người.

9.8 Marketing căn bản (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm cung cấp kiến thức về những nguyên lý căn bản của hoạt động Marketing để người học vận dụng vào thực tiễn ở doanh nghiệp, với các nội dung chính: (1) Tìm hiểu bản chất hoạt động marketing và qui trình quản trị marketing của doanh nghiệp; (2) Nghiên cứu thị trường: phân tích môi trường marketing, nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng, tổ chức hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; (3) Lựa chọn và thâm nhập thị trường mục tiêu: phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường cho doanh nghiệp; (4) Thiết kế hệ thống marketing – mix, bao gồm các

chiến lược về: sản phẩm, định giá, phân phối và xúc tiến thương mại; (5) Tổ chức thực hiện và kiểm soát, điều chỉnh hoạt động marketing.

9.9 Quản trị học (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp như khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/ điều hành và kiểm tra/ kiểm soát. Môn học còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

9.10 Tiếng Anh nâng cao 1 (4 tín chỉ)

9.11 Tiếng Anh nâng cao 2 (4 tín chỉ)

9.12 Tiếng Anh nâng cao 3 (3 tín chỉ)

9.13 Tiếng Anh nâng cao 4 (3 tín chỉ)

9.14 Toán Kinh tế (6 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý. Nội dung môn học bao gồm không gian vector số học n chiều, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương, hàm số và giới hạn, phép toán vi phân đối với hàm số một biến số, hàm nhiều biến và hàm ẩn, các bài toán cực trị, phép tính tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân.

9.15 Tin học đại cương (4 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Tin học, giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet, hướng dẫn sử dụng cơ bản một số phần mềm ứng dụng trong văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính...) để có thể soạn thảo các công văn, văn bản, hợp đồng, tài liệu, power point trình chiếu bằng tiếng Việt, dùng bảng tính để thực hiện các tính toán cơ bản, vẽ đồ thị...

9.16 Lý thuyết xác suất và thống kê (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính qui luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.

Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

9.17 Giáo dục thể chất (5 tín chỉ)

Thực hiện theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 09 năm 1995 và Quyết định số: 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và các qui định của nhà trường.

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn thể thao theo nội dung chương trình, phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, bảo vệ và tăng cường sức khỏe phòng chống bệnh tật, nâng cao khả năng học tập và lao động phục vụ xã hội, góp phần hình thành nên những phẩm chất ý chí như lòng dũng cảm, tính tự tin, kiên trì vượt khó, ý thức tổ chức kỷ luật.

9.18 Giáo dục quốc phòng (7 tín chỉ)

Thực hiện theo Quyết định số: 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.
- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9.19 Kinh tế vi mô 1 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến cung cầu thị trường, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ.

9.20 Kinh tế vĩ mô 1 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm đo lường sản lượng quốc gia, tốc độ tăng trưởng kinh tế, các chỉ số giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp của nền kinh tế. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kiến thức về cách hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ, cán cân thanh toán. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra một số mô hình như mô hình AS- AD để giải thích các biến động vĩ mô trong nền kinh tế cũng như dùng để phân tích chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ và dùng để giải thích mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn và dài hạn.

9.21 Luật kinh tế (2 tín chỉ)

Môn học trước: Pháp luật đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật kinh tế giúp sinh viên hiểu biết cơ bản về luật kinh tế và vai trò của luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

Thông qua các quy định pháp luật về việc xác lập địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh giúp sinh viên có thể chọn lựa hình thức tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. Đồng thời hiểu rõ các trường hợp áp dụng phá sản doanh nghiệp để từ đó có thái độ thận trọng trong kinh doanh hoặc có thể vận dụng được chế định phá sản khi cần thiết.

Thông qua các chế định về đầu tư ở Việt Nam giúp sinh viên hiểu biết và chọn lựa hình thức đầu tư hợp pháp. Hiểu biết cách thức thiết lập và thực hiện một giao dịch thương mại bằng hình thức hợp đồng sẽ giúp sinh viên biết vận dụng các nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại tránh sai sót, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiểu rõ cách thức giải quyết tranh chấp và yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh giúp sinh viên khi trở thành nhà kinh doanh có thể chọn cách thức giải quyết tranh chấp phù hợp với lợi ích mong muốn.

9.22 Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán như các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán, các phương pháp kế toán, quá trình thu nhập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

9.23 Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm về Kinh tế lượng và vai trò của Kinh tế lượng. Bên cạnh đó, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên sử dụng được ít nhất một phần mềm chuyên dụng trong Kinh tế lượng. Ngoài ra môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng để ước lượng các quan hệ kinh tế, kiểm chứng các lý thuyết kinh tế dựa trên cơ sở những dữ liệu thực tế. Đồng thời, sinh viên có thể kết hợp những kiến thức của kinh tế vi mô, vĩ mô và kinh tế lượng để ứng dụng vào thực tế như biết phân tích một số vấn đề và dự báo về kinh tế dựa trên một số mô hình hồi qui cơ bản.

9.24 Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm giới thiệu hoàn cảnh, điều kiện ra đời, các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu, nội dung các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị tư sản cổ điển, tiểu tư sản, học thuyết Mác - Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế phương Đông cổ đại, lý luận của chủ nghĩa xét lại, cải lương, kinh tế thị trường các nước XHCN... Trên cơ sở đó giúp cho người học có năng lực phê phán, kế thừa, chọn lọc, bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

9.25 Nguyên lý thống kê kinh tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

9.26 Tài chính - tiền tệ (4 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: chức năng tài chính – tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước; ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn;

Hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

9.27 Kinh tế vi mô 2 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này tiếp nối môn học Kinh tế vi mô. Nội dung của môn học bao gồm các phần nâng cao của kinh tế vi mô như phân tích cấu trúc thị trường, thị trường yếu tố sản xuất, phân tích các thất bại của thị trường như độc quyền, thông tin bất cân xứng, hàng hóa công, ngoại tác và phân tích các tình huống ứng dụng kinh tế vi mô trong thực tiễn.

9.28 Kinh tế vĩ mô 2 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này tiếp nối môn học Kinh tế vĩ mô. Nội dung của môn học bao gồm các phần nâng cao của kinh tế vĩ mô như lý thuyết tăng trưởng kinh tế dài hạn, lý thuyết về đầu tư, lý thuyết về tiêu dùng, lý thuyết chu kỳ kinh tế, các trường phái kinh tế vĩ mô sau Keynes (sau mô hình IS-LM) và các ứng dụng kinh tế vĩ mô vào các tình huống cụ thể.

9.29 Kinh tế phát triển (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế, bao gồm các khái niệm căn bản của phát triển, các lý thuyết phát triển, các mô hình phát triển, và các vấn đề cơ bản nhất liên quan đến một nền kinh tế đang phát triển như mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người, các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế như lao động, vốn tài nguyên và công nghệ...

9.30 Kinh tế công (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vĩ mô 1, kinh tế vi mô 1 và 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này nghiên cứu các vấn đề cơ bản bao gồm: Bản chất, nội dung của khu vực công cộng và các qui luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; Trục trặc và thất bại của khu vực tư nhân làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; Đánh giá các chính sách can thiệp của chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội như chính sách chi tiêu công, chính sách thuế cũng như tác động của các chính sách này đến lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội. Từ đó nhằm điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện sao cho phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội.

9.31 Kinh tế môi trường (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1, kinh tế vi mô 1 và 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững; Bản chất của hệ thống môi trường, Kinh tế học của chất lượng môi trường, Những kỹ năng cơ bản của phân tích kinh tế tác động tới môi trường; Nguyên lý và những kỹ năng cần thiết trong phân tích chi phí lợi ích và môi trường; Những công cụ chủ yếu quản lý môi trường.

9.32 Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1, kinh tế vi mô 1 và 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm làm cho người học hiểu rõ: nguồn gốc phát sinh, mô thức hoạt động và lợi ích của thương mại quốc tế để vận dụng vào việc giải quyết vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của chính thể kinh tế các cấp doanh nghiệp, ngành, quốc gia và vùng lãnh thổ. Nội dung chính có 3 phần: (1) Các học thuyết cơ bản về thương mại quốc tế; (2) Công cụ điều tiết thương mại quốc tế (thuế quan, các hàng rào phi thuế quan) và các chính sách thương mại quốc tế phổ biến (bảo hộ mậu dịch và tự do hóa thương mại); (3) Các xu hướng hội nhập kinh tế, các định chế hợp tác kinh tế quốc tế tiêu biểu (trên 3 cấp độ quan hệ song phương, hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu) và việc vận dụng chúng vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.33 Phương pháp nghiên cứu khoa học (4 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu như cách thức lựa chọn đề tài, cách đặt câu hỏi nghiên cứu, cách viết đề cương chi tiết, phương pháp thu thập và xử lý số liệu, chuẩn bị và trình bày đề tài nghiên cứu.

9.34 Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức có liên quan đến các nguyên tắc lý thuyết cũng như những ứng dụng thực tiễn của thẩm định dự án, nghiên cứu tính khả thi của dự án, nhận dạng những phí tổn và phúc lợi của dự án, những kỹ thuật trong phân tích và lựa chọn dự án, ứng dụng máy vi tính trong phân tích dự án. Khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ có được kiến thức và các kỹ năng cần thiết để thực hiện thẩm định về tài chính, rủi ro, kinh tế và xã hội đối với các dự án phát triển.

9.35 Mua bán và sáp nhập công ty (2 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Mua bán và sáp nhập công ty là một xu hướng của thời đại, diễn ra rất phổ biến trên phạm vi thế giới. Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề như: Các nguyên tắc cơ bản của M&A, hiệu ứng M&A, diễn biến và tiến trình M&A, cơ sở pháp lý của M&A ở Việt Nam...

9.36 Kinh tế đô thị (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế phát triển

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm đề cập đến vai trò của đô thị và vấn đề đô thị hóa trong quá trình phát triển kinh tế. Môn học chủ yếu tập trung vào các vấn đề chính như 1) Phát triển kinh tế đô thị, trong đó đề cập đến đô thị hóa và hiện đại hóa đô thị, cơ chế phát triển kinh tế đô thị, nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế đô thị; 2) cơ cấu kinh tế đô thị, trong đó đề cập đến cơ cấu ngành và cơ cấu không gian đô thị; 3) môi trường kinh tế đô thị, trong đó đề cập đến môi trường xây dựng đô thị, môi trường cư trú đô thị, môi trường sinh thái đô thị; 4) hiệu ích kinh tế đô thị, trong đó đề cập đến hiệu ích tổng thể kinh tế đô thị, hiệu ích đất đai đô thị, hiệu ích quy mô đô thị; 5) quản lý kinh tế đô thị, trong đó đề cập đến chức năng chính quyền đô thị, chiến lược phát triển đô thị...

9.37 Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế phát triển

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên một số khái niệm trong kinh tế nông nghiệp, giới thiệu về mối liên hệ giữa kinh tế vi mô và thị trường nông sản, phân tích sinh kế bền vững. Môn học còn giúp cho sinh viên thấy được vai trò của nông nghiệp đối với nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Thông qua việc phân tích một số chính sách phát triển nông nghiệp, môn học cũng nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong quá trình phát triển. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu các cách tiếp cận với nông dân trong nghiên cứu và phát triển nông thôn.

9.38 Kinh tế học tổ chức ngành (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, kinh tế vi mô 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung của môn học là nghiên cứu về cấu trúc ngành, hành vi của doanh nghiệp và sự tương tác giữa chúng. Các chủ đề được đề cập bao gồm: Các lý thuyết về doanh nghiệp, lý thuyết độc quyền nhóm, sự tập trung, các rào cản gia nhập ngành, khác biệt hóa sản

phẩm, nghiên cứu và phát triển, hợp nhất theo chiều dọc, thành tựu của doanh nghiệp và ngành.

9.39 Phân tích kinh tế dự án (3 tín chỉ)

Môn học trước: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học phân tích kinh tế dự án trang bị cho sinh viên nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng thực tế của thẩm định dự án về mặt kinh tế. Khác biệt với môn thiết lập và thẩm định dự án, chỉ đi sâu phân tích dưới khía cạnh tài chính nhằm đánh giá dự án có hiệu quả hay không xét trên quan điểm của nhà đầu tư, giúp nhà đầu tư chọn lựa phương án đầu tư hiệu quả; Phân tích kinh tế dự án nhằm đánh giá dự án có hiệu quả hay không xét trên quan điểm toàn bộ nền kinh tế. Đây là cơ sở giúp các nhà quản lý xét duyệt cấp phép hay từ chối đối với các dự án được đề nghị từ các nhà đầu tư. Mặt khác cũng là cơ sở để ra cơ quan nhà nước ra quyết định đầu tư đối với các dự án công.

Trong phân tích tài chính, các lợi ích và chi phí của dự án được tính toán dựa trên giá tài chính hay giá thị trường. Ngược lại, trong phân tích kinh tế, các lợi ích và chi phí của dự án được tính toán dựa trên giá kinh tế.

Nội dung trọng tâm của môn học này là giải quyết việc ước lượng chi tiết các chi phí và lợi ích kinh tế của tất cả hàng hóa và dịch vụ liên quan đến đầu vào và đầu ra của dự án. Nói ngắn gọn là tìm cách thức để chuyển dòng ngân lưu tài chính của dự án sang dòng ngân lưu kinh tế. Ngoài ra môn học cũng quan tâm đến những ngoại tác tích cực và tiêu cực do dự án tạo ra mà trong phần phân tích tài chính đã không tính đến, để đánh giá dự án được toàn diện hơn.

9.40 Chính sách ngoại thương và công nghiệp (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung chủ yếu của môn học là tổng lược về chính sách ngoại thương và công nghiệp hóa mà các nước đã áp dụng, bài học thành công cũng như thất bại, các mô hình chủ chốt bao gồm phát triển hướng vào xuất khẩu, phát triển thay thế nhập khẩu và các mô hình khác.

9.41 Marketing địa phương và phát triển vùng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế phát triển

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này kết hợp giữa hoạch định phát triển địa phương và marketing địa phương. Hoạch định phát triển địa phương bao gồm chiến lược và các kế hoạch phát triển, việc lựa chọn các mô hình phát triển, phân bổ nguồn lực và tài chính địa phương. Mục tiêu của Marketing địa phương là xây dựng một kế hoạch marketing cho địa phương một cách hợp lý và thực tế, trang bị những kỹ năng trong việc thuyết phục, đó có thể là thuyết phục

kế hoạch marketing cho lãnh đạo địa phương hoặc khách hàng như nhà đầu tư, khách du lịch, dân chúng ở địa phương khác.

Môn học còn cung cấp những kiến thức cơ bản về phát triển vùng cho sinh viên như khái niệm vùng, chính sách phát triển vùng, các đặc điểm kinh tế- xã hội tạo tiền đề cho các chính sách phát triển vùng để giải quyết các vấn đề của tính bền vững

9.42 Kinh tế lao động (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế phát triển

Điều kiện tiên quyết: Không

Kinh tế học lao động nghiên cứu về chức năng và động lực của thị trường cho lao động. Thị trường lao động hoạt động thông qua sự tương tác giữa người lao động và nhà tuyển dụng. Kinh tế học lao động xem xét về người cung cấp dịch vụ lao động (người lao động) và người yêu cầu dịch vụ lao động (nhà tuyển dụng) và cố gắng tìm hiểu mô hình kết quả của tiền lương, việc làm và thu nhập.

9.43 Quản lý dự án (3 tín chỉ)

Môn học trước: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản để quản lý dự án, bao gồm lập kế hoạch thực hiện dự án, quản lý thời gian thực hiện dự án, quản lý chi phí của dự án, quản lý chất lượng dự án, quản lý nhân sự của dự án, quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện dự án, giám sát và kiểm soát quá trình thực hiện dự án...

9.44 Tài chính doanh nghiệp 1 (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Nguyên lý kế toán

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức về tài chính doanh nghiệp cho sinh viên, bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, rủi ro và tỷ suất sinh lợi, phân tích tác động đòn bẩy lên rủi ro và tỷ suất sinh lời, nguồn vốn của công ty và phương thức huy động vốn...

9.45 Tài chính quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản và lý luận nghiệp vụ về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu sau: tổng quan về tài chính quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, tài chính công ty đa quốc gia, các

hoạt động thanh toán, tín dụng, đầu tư quốc tế, chính sách điều hành tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế, liên minh thuế quan giữa các quốc gia.

9.46 Phân tích báo cáo tài chính (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu các báo cáo tài chính của công ty, thảo luận vai trò, các cơ chế, các chuẩn mực của báo cáo tài chính, đồng thời cung cấp cho sinh viên các phương pháp cơ bản được sử dụng để phân tích các báo cáo tài chính của công ty. Môn học chú trọng hướng dẫn sinh viên thông qua việc phân tích các báo cáo tài chính như báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng cân đối tài sản của công ty để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, khả năng tạo lợi nhuận, khả năng tạo và sử dụng vốn của công ty, so sánh với các công ty hoạt động cùng lĩnh vực.

9.47 Phân tích chứng khoán vốn (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Tài chính doanh nghiệp 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về phân tích đầu tư liên quan đến cổ phiếu. Các phân tích được tiến hành ở các cấp độ vĩ mô, ngành và công ty. Môn học thảo luận kỹ về các giả thuyết về các hình thức hiệu quả của thị trường vốn, cách thức mà thị trường hoạt động cũng như cách tính các chỉ số của thị trường, các mô hình định giá chứng khoán của doanh nghiệp (DDM, P/E, P/BV, P/CF, v.v...)

9.48 Phân tích chứng khoán nợ (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Tài chính doanh nghiệp 1

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về các loại công cụ tài chính có thu nhập cố định, các loại trái phiếu đang hoạt động trên thị trường tài chính và những rủi ro có thể có đối với các công cụ tài chính là trái phiếu. Môn học chú trọng hướng dẫn sinh viên áp dụng các phương pháp phân tích và định giá để xác định giá trị của các chứng khoán nợ; các phương pháp đo lường rủi ro, các chỉ số lợi nhuận dùng trong việc phân tích khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư vào các công cụ tài chính này.

9.49 Thị trường tài chính phái sinh (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích chứng khoán vốn, Phân tích chứng khoán nợ

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này cho thấy làm thế nào để có thể sử dụng các chứng khoán phái sinh để đạt được những mục tiêu của doanh nghiệp cũng như tại sao việc sử dụng các chiến lược từ

các công cụ phái sinh đôi khi lại tạo ra thêm rủi ro cho doanh nghiệp. Ba chủ đề chính yếu sẽ được thảo luận trong môn học này là: các hợp đồng chứng khoán phái sinh được giao dịch trên thị trường OTC; sử dụng các chứng khoán phái sinh cho phòng ngừa rủi ro, đầu cơ, kinh doanh mua bán song hành; lý thuyết định giá phái sinh và phòng ngừa rủi ro. Phần đầu tiên của môn học này sẽ bao gồm các vấn đề về thị trường giao sau future, thị trường kỳ hạn forward, hoán đổi swap và phần thứ hai là thị trường các quyền chọn option.

9.50 Quản lý danh mục đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích báo cáo tài chính, Phân tích chứng khoán nợ

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các lý thuyết và các khái niệm quan trọng về quản lý danh mục đầu tư như quyết định phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư. Môn học cũng chú trọng thảo luận những yếu tố ảnh hưởng tới rủi ro và lợi nhuận của danh mục đầu tư để sinh viên có thể xây dựng chính sách đầu tư và quản lý danh mục thích hợp trong quá trình đầu tư tài chính.

9.51 Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

Môn học trước: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành

Điều kiện tiên quyết: Không

Mục tiêu nhiệm vụ của môn học là trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh ở doanh nghiệp. Nội dung cơ bản bao gồm: (1) Tìm hiểu bản chất, tác dụng của chiến lược kinh doanh và qui trình quản trị chiến lược ở doanh nghiệp; (2) Phân tích môi trường kinh doanh và đánh giá khả năng thích ứng với môi trường của doanh nghiệp; (3) Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với điều kiện môi trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (kể cả môi trường cạnh tranh toàn cầu), bao gồm cả 3 cấp độ: chiến lược cấp công ty, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng; (4) Tổ chức thực hiện chiến lược và kiểm tra giám sát, hiệu chỉnh chiến lược cho phù hợp với sự biến động thường xuyên của môi trường.

9.52 Kinh tế quốc tế nâng cao (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học chủ yếu đề cập đến các qui luật các mối quan hệ kinh tế quốc tế thông qua việc trao đổi hàng hóa, các yếu tố sản xuất và dòng tiền giữa các quốc gia. Môn học cung cấp kiến thức vững chắc về thị trường quốc tế cũng như bản chất của thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn ứng dụng lý thuyết và các công cụ của kinh tế để phân tích những tình huống cụ thể của kinh tế quốc tế.

9.53 Luật thương mại quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Pháp luật đại cương, Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học nhằm cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về thương mại quốc tế, giúp sinh viên hiểu biết các nguyên tắc, định chế, các thông lệ tập quán liên quan đến các giao dịch thương mại với các thương nhân nước ngoài, chế định về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, bảo hiểm, chuyên chở hàng hóa, phương thức thanh toán và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế...

9.54 Kỹ thuật ngoại thương (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương như đàm phán, ký kết hợp đồng ngoại thương, thực hiện hợp đồng ngoại thương.

9.55 Đầu tư quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, hiểu biết cơ bản về đầu tư quốc tế một cách khoa học và có hệ thống, giúp sinh viên có khả năng hiểu được sự vận động của dòng vốn quốc tế và những yếu tố tác động lên nó và những gì cần làm để có thể thu hút được dòng vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường lợi ích từ dòng vốn đó cũng như hạn chế những bất lợi mà đầu tư nước ngoài có thể mang lại. Môn học chủ yếu đi giới thiệu xu hướng phát triển của đầu tư quốc tế, các yếu tố môi trường có thể ảnh hưởng đến dòng chảy của vốn đầu tư quốc tế, các lý thuyết giải thích các hiện tượng, xu hướng phát triển và các vấn đề có liên quan đến đầu tư quốc tế, các chính sách đối với đầu tư nước ngoài của các quốc gia, tầm quan trọng của công tác xúc tiến đầu tư trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào nước chủ nhà, các hình thức và công cụ đầu tư nước ngoài cũng như chính sách đối với đầu tư nước ngoài và thực trạng của đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

9.56 Tài chính quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản và lý luận nghiệp vụ về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu sau: tổng quan về tài chính quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, tài chính công ty đa quốc gia, các hoạt động thanh toán, tín dụng, đầu tư quốc tế, chính sách điều hành tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế, liên minh thuế quan giữa các quốc gia.

9.57 Kinh doanh quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế quốc tế

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về môi trường kinh doanh quốc tế, có những hiểu biết nhất định về môi trường cũng như hoạt động kinh doanh quốc tế trong xu hướng hội nhập kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm hiện đại về kinh doanh quốc tế, những cơ hội cũng như thách thức trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay. Môn học giúp học viên xác thấy được những khác biệt nổi bật giữa kinh doanh nội địa và kinh doanh quốc tế để từ đó có những điều chỉnh thích hợp cho từng thị trường ở các quốc gia khác nhau.

9.58 Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Giúp sinh viên tiếp cận với thực tế của nền kinh tế, doanh nghiệp; áp dụng những kiến thức đã học vào phân tích, giải quyết những vấn đề về kinh tế thực tế tại doanh nghiệp hay nền kinh tế nói chung.

Sinh viên có thể liên hệ nơi thực tập hoặc Khoa giới thiệu sinh viên đến một đơn vị thực tế để thực tập và viết báo cáo thực tập. Báo cáo thực tập phải được đơn vị tiếp nhận cho sinh viên thực tập xác nhận và nhận xét quá trình thực tập. Những sinh viên làm đề tài tự do thì phải có sự xác nhận của giảng viên hướng dẫn.

Tùy theo lĩnh vực chuyên sâu, sinh viên chọn nơi thực tập và viết báo cáo cho phù hợp. Thời gian, địa điểm, đối tượng khảo sát và phương pháp thực hiện được phổ biến dựa trên đặc thù ngành đào tạo, tùy tình hình cụ thể.

9.59 Khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn (7 tín chỉ)

Sau khi thực tập tốt nghiệp, sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hiện khóa luận tốt nghiệp trong một thời gian nhất định nếu đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, theo mục 6.

Nếu sinh viên không đủ tiêu chuẩn để làm Khóa luận tốt nghiệp thì đăng ký học các học phần chuyên môn, theo mục 6.

10 Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy (Dự kiến)

10.1 Danh sách giảng viên cơ hữu của trường

STT	Họ và tên giảng viên	Văn bằng	Môn học/Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Văn Sơn	Tiến sĩ	Chính sách ngoại thương và công nghiệp
2	Phạm Kim Dung	Thạc sĩ	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
3	Nguyễn Thuần	Phó Giáo sư - Tiến sĩ	Kinh tế công
4	Huỳnh Đặng Bích Vy	Thạc sĩ	Kinh tế công

5	Đặng Văn Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế học tổ chức ngành
6	Tô Thị Kim Hồng	Thạc sĩ	Kinh tế lượng
7	Nguyễn Văn Sơn	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế
8	Nguyễn Văn Sơn	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế nâng cao
9	Bùi Anh Sơn	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1
10	Lê Thị Kim Dung	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 1
11	Đặng Văn Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô 2
12	Lê Thái Thường Quân	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô 2
13	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thạc sĩ	Luật kinh tế
14	Dư Ngọc Bích	Tiến sĩ	Luật kinh tế
15	Phan Đặng Hiếu Thuận	Thạc sĩ	Luật thương mại quốc tế
16	Vũ Hữu Đức	Phó Giáo sư - Tiến sĩ	Nguyên lý kế toán
17	Nguyễn Như Ánh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
18	Phạm Quang Anh Thư	Thạc sĩ	Phân tích chứng khoán nợ
19	Phạm Quang Anh Thư	Thạc sĩ	Phân tích chứng khoán vốn
20	Bùi Ngọc Tuyên	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương
21	Trần Anh Thục Đoan	Thạc sĩ	Pháp luật đầu tư
22	Lưu Trường Văn	Tiến sĩ	Quản lý dự án
23	Nguyễn Quang Trung	Tiến sĩ	Quản trị chiến lược
24	Nguyễn Văn Sơn	Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
25	Nguyễn Văn Thuận	Tiến sĩ	Tài chính quốc tế
26	Nguyễn Văn Thuận	Tiến sĩ	Tài chính tiền tệ
27	Nguyễn Minh Hà	Tiến sĩ	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư
28	Nguyễn Thúy Nga	Thạc sĩ	Tiếng anh nâng cao
29	Lê Công Tâm	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
30	Lê Xuân Trường	Tiến sĩ	Tin học đại cương
31	Ninh Xuân Hương	Thạc sĩ	Tin học đại cương

10.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên giảng viên	Văn bằng	Môn học/Học phần sẽ giảng dạy
1	Võ Thị Lan	Thạc sĩ	Dự báo kinh tế
2	Trần Thu Vân	Thạc sĩ	Kinh tế công
3	Trần Thị Bền	Thạc sĩ	Kinh tế đô thị
4	Đỗ Thị Kim Chi	Thạc sĩ	Kinh tế môi trường
5	Nguyễn Minh Đức	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp và PTNT
6	Nguyễn Thái Thảo Vy	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô 1
7	Nguyễn Thanh Triều	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô 2
8	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô 2
9	Trần Thị Duyệt	Thạc sĩ	Kỹ thuật ngoại thương
10	Nguyễn Minh Tuấn	Tiến sĩ	Lịch sử các học thuyết kinh tế
11	Dương Anh Sơn	Phó Giáo sư - Tiến sĩ	Luật thương mại quốc tế
12	Trần Bá Nhẫn	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
13	Nguyễn Văn Thi	Thạc sĩ	Marketing căn bản
14	Hồ Đức Hùng	Tiến sĩ	Marketing địa phương
15	Mai Thanh Loan	Tiến sĩ	Nguyên lý thống kê kinh tế
16	Nguyễn Văn Sáng	Tiến sĩ	Những NLCB của CN Mác - Lênin
17	Nguyễn Thị Uyên Uyên	Tiến sĩ	Phân tích báo cáo tài chính
18	Phạm Minh Thiên Phước	Thạc sĩ	Phân tích kinh tế dự án
19	Trần Tiến Khai	Tiến sĩ	Phương pháp nghiên cứu khoa học
20	Nguyễn Quang Ngọc	Tiến sĩ	Quản lý danh mục đầu tư
21	Lê Quang Trung	Tiến sĩ	Quản trị học
22	Nguyễn Xuân Xuyên	Tiến sĩ	Tài chính tiền tệ
23	Nguyễn Xuân Trường	Thạc sĩ	Thị trường tài chính phái sinh
24	Đào Bảo Dũng	Thạc sĩ	Toán cao cấp 1, 2
25	Đỗ Kiên Trung	Thạc sĩ	Tư duy phản biện
26	Nguyễn Văn Chiển	Tiến sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh
27	Nguyễn Xuân Nghĩa	Tiến sĩ	Xã hội học đại cương

11 Tài liệu học tập (Dự kiến)

STT	Giáo trình/ Tập bài giảng	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Basic Econometrics, 4th edition	Damodar N. Gujarati	Irwin Professional Publisher	2002
2	Cost Benefit Analysis (ISBN: 978-0415349918), 5th ed	E.J. Mishan, Euston Quah	Routledge	2007
3	Dự báo trong kinh doanh	Võ Thị Lan	Tài liệu lưu hành nội bộ	2005
4	English for academic purpose series: Economics (ISBN: 978-0132802567)	Christopher St J Yates	Prentice Hall	1989
5	Fundamental Methods of Mathematical Economics, 3 rd edition	Alpha C. Chiang	McGraw- Hill	1984
6	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Bộ Giáo Dục Đào Tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
7	Giáo trình Kinh tế công	PGS. TS. Nguyễn Thuần, ThS Trần Thu Vân	NXB Giáo Dục	1997
8	Giáo trình Kinh tế môi trường	PGS. TS. Hoàng Xuân Cơ	NXB Giáo Dục	2005
9	Giáo trình Kinh tế phát triển	GS. TS. Vũ Thị Ngọc Phùng	NXB ĐH Quốc Gia Tp.HCM	2006
10	Giáo trình Kinh tế vĩ mô - Đại cương và nâng cao	Trần Văn Hùng, Nguyễn Trí Hùng, Trương Quang Hùng, Nguyễn Thanh Triều, Châu Văn Thành	NXB Giáo Dục	1998
11	Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS. TS. Trần Trọng Bình	NXB Thống Kê Hà Nội	2003
12	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	PGS. TS. Phan Thị Cúc	NXB Thống Kê	2007
13	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo Dục Đào Tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
14	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo Dục Đào Tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
15	Kinh tế học đô thị	Nhiều Hội Lâm	NXB ĐH Quốc Gia	2004
16	Kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chinh	NXB Thống Kê	2008
17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	NXB Giáo Dục	2006
18	Microeconomics	Robert S. Pindyck, Daniel	NXB Khoa Học Kỹ	2000

		Rubinfeld	Thuật	
19	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Giao Thông Vận Tải	2006
20	Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS. TS. Ngô Thị Thuận (chủ biên)	Trường ĐH Nông nghiệp 1- Hà Nội	2006
21	Principles of Macroeconomics, 3rd edition	N. Gregory Mankiw	Harcourt Publishers College	2001
22	Principles of Microeconomics, 2nd edition	N. Gregory Mankiw	Harcourt Publishers College	2006
23	Research Methodology- A step-by-step guide for beginners, 2nd edition	Kumar Ranjit	SAGE publication	2005
24	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Luật kinh tế	ĐH Mở Tp.HCM	Tài liệu lưu hành nội bộ	2008
25	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Pháp luật đại cương	ĐH Mở Tp.HCM	Tài liệu lưu hành nội bộ	2007
26	Tập bài giảng môn Tin học đại cương	ĐH Mở Tp.HCM	Tài liệu lưu hành nội bộ	2009
27	Tập bài giảng của Khoa Ngoại Ngữ	ĐH Mở Tp.HCM	Tài liệu lưu hành nội bộ	2009

12 Môn học tương đương, môn học thay thế:

14.1 Môn học tương đương

STT	Tên môn học cũ	Mã Môn học	Số tín chỉ	Tên môn học mới	Mã Môn học	Số tín chỉ
1	Kinh tế nông nghiệp	ECON4302	3	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn		3
2	Tài chính công ty	TC4313	3	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA3319	3
				Tài chính doanh nghiệp 1	FINA2402	4

14.2 Môn học thay thế

STT	Tên môn học cũ	Mã Môn học	Số tín chỉ	Tên môn học thay thế mới	Mã Môn học	Số tín chỉ
1	Toán Kinh tế 1	MATH1303	3	Toán cao cấp (C1)	MATH1301	3
2	Toán Kinh tế 2	MATH1305	3	Toán cao cấp (C2)	MATH1306	3
3	Luật đầu tư	BLAW3307	2	Luật Kinh tế	GLAW3201	3
4	Tiếng anh Kinh tế 1	GENG1501	5	Tiếng anh căn bản 1	GENG1401	4

5	Tiếng anh Kinh tế 2	GENG1502	5	Tiếng anh căn bản 2	GENG1402	4
6	Tiếng anh Kinh tế 3	GENG1503	5	Tiếng anh nâng cao 1	GENG1403	4
7	Tiếng anh Kinh tế 4	GENG1504	5	Tiếng anh nâng cao 2	GENG1404	4
8	Tiếng anh Kinh tế 5	GENG1505	5	Tiếng anh nâng cao 3	GENG2317	3
9	Tiếng anh Kinh tế 6	GENG1506	5	Tiếng anh nâng cao 4	GENG2318	3
10	Tiếng anh Kinh tế 7	GENG1507	5			

13 Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Tất cả các môn học được thực hiện theo đúng đề cương môn học được đưa ra trước khi môn học bắt đầu.
- Đối với các môn Anh văn:
 - Sinh viên trúng tuyển và nhập học ngành Kinh tế sẽ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào để xác định học mức độ tiếng anh phù hợp.
 - Miễn giảm học Tiếng Anh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng nhà trường.
- Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy dần dần ở các từ học kỳ 8 đến học kỳ 10.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thuần

TRƯỞNG KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

(Đã ký)

Đặng Văn Thanh